**13. Thủ tục Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý (QT-13)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **Mục đích:**  Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý. | | | | |
| **2** | **Phạm vi:**  Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý.  Cán bộ, công chức thuộc Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. | | | | |
| **3** | **Nội dung quy trình:** | | | | |
| **3.1** | **Cơ cở pháp lý** | | | | |
|  | - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;  - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;  - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch;  - Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự;  - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/04/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;  - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố thủ tục hành chính mới, bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; | | | | |
| **3.2** | **Thành phần hồ sơ** | | | Bản chính | Bản sao |
|  | 1. Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; | | | X |  |
|  | 2. Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm hợp tác kinh doanh; | | | X |  |
|  | 3. Bản sao hợp đồng hợp tác kinh doanh; | | |  | X |
|  | 4.Bản sao tài liệu về tư cách pháp lý của các bên tham gia hợp tác kinh doanh; | | |  | X |
|  | 5. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có) của nhà đầu tư sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tưđể hợp tác kinh doanh; | | |  | X |
|  | 6. Bản sao một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và và tài sản khác gắn liền với đất; | | |  | X |
|  | 7. Bản sao một trong các tài liệu sau của bên tham gia hợp tác kinh doanh: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất hoặc báo cáo kiểm toán vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư, cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ, cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính, bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư, tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư. | | |  | X |
| **3.3** | **Số lượng hồ sơ:** | | | | |
|  | 04 (bốn) bộ | | | | |
| **3.4** | **Thời gian xử lý:** | | | | |
|  | - 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương của Ban Quản lý.  - 27 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương của UBND cấp tỉnh, trong đó:  + Thời gian Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội tiếp nhận, lấy ý kiến, tổ chức thẩm định, tổng hợp báo cáo, dự thảo văn bản và trả kết quả:: 05 ngày làm việc  + Thời gian các Sở, ngành cho ý kiến: 15 ngày.  + Thời gian UBND Thành phố xem xét, quyết định: 07 ngày làm việc. | | | | |
| **3.5** | **Nơi tiếp nhận và trả kết quả:** | | | | |
|  | Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ:  - Trực tiếp tại bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.  - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công hoặc Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư tại địa chỉ fdi.gov.vn;  - Dịch vụ bưu chính. | | | | |
| **3.6** | **Lệ phí** | | | | |
|  | Không | | | | |
| **3.7** | **Quy trình xử lý công việc:** | | | | |
| **TT** | **Trình tự** | **Trách nhiệm** | **Thời gian** | **Biểu mẫu/Kết quả** | |
| Bước 1 | Tiếp nhận hồ sơ:  - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: Thực hiện tiếp nhận HS và thực hiện chuyển cho Phòng chuyên môn. Chuyển hồ sơ đến Phòng chuyên môn (chuyển sang B2).  - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện: Gửi TB hướng dẫn đến Nhà đầu tư. | Công chức tiếp nhận hồ sơ tại bộ phận Một cửa | 02 giờ | - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (*Mẫu số 01 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP*)  - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (*Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP*)  -Hồ sơ | |
| Bước 2 | Lãnh đạo Phòng Quản lý đầu tư chuyển hồ sơ cho Chuyên viên.  Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư kiểm tra tính đầy đủ, tính hợp lý và hợp pháp của hồ sơ:  + Nếu hồ sơ hợp lệ soạn thảo Văn bản trình Lãnh đạo Phòng xem xét trình Lãnh đạo Ban ký để chuyển cho các Sở, ngành chuyên môn;  + Nếu hồ sơ không đảm bảo yêu cầu, chuyển hồ sơ Bộ phận Một cửa (có thông báo lý do bằng văn bản do Lãnh đạo Ban ký); Bộ phận Một cửa liên hệ trả hồ sơ cho tổ chức, công dân. | Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư | 01 ngày | -Văn bản gửi lấy ý kiến các Sở, Ngành.  -Thông báo trả hồ sơ.  - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (*Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP*) | |
| Bước 3 | Các Sở, ngành chuyên môn tiếp nhận hồ sơ và cho ý kiến bằng Văn bản theo thẩm quyền gửi về Ban Quản lý, chuyển Phòng Quản lý đầu tư. | Chuyên viên,  Lãnh đạo Phòng Quản lý đầu tư  Các Sở, Ngành | 15 ngày | -Văn bản trả lời của các Sở, ngành.  - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (*Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP*) | |
| Bước 4 | Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư lập báo cáo tổng hợp các ý kiến thẩm định; soạn thảo Văn bản trình Lãnh đạo Phòng | Chuyên viên,  Lãnh đạo Phòng Quản lý đầu tư | 02 ngày | -Báo cáo tổng hợp ý kiến.  - Dự thảo Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.  - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (*Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP*) | |
| Bước 5 | Lãnh đạo Phòng Quản lý đầu tư trình hồ sơ Lãnh đạo Ban xem xét. | Lãnh đạo Phòng | 0,5 ngày | Báo cáo tổng hợp ý kiến.  - Dự thảo Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.  - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (*Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP*) | |
| Bước 6 | Lãnh đạo Ban xem xét hồ sơ:  + Quyết định chấp thuận chủ trương (đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương của Ban Quản lý).  + ký Văn bản báo cáo UBND Thành phố kèm theo hồ sơ (đối với dự án thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh). | Lãnh đạo Ban | 0,5 ngày | -Văn bản gửi UBND Thành phố.  - Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.  - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (*Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP*) | |
| Bước 7 | UBND Thành phố xem xét theo thẩm quyền giải quyết.  - Nếu đồng ý: Ký duyệt Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư và trả kết quả cho Lãnh đạo ban.  - Nếu không đồng ý: Phê ý kiến và chỉ đạo hướng giải quyết. | UBND Thành phố | 07 ngày | - Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.  -Văn bản ý kiến chỉ đạo.  - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (*Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP*) | |
| Bước 8 | Lãnh đạo Ban chuyển kết quả hồ sơ lại cho Phòng Quản lý đầu tư | Lãnh đạo Ban | 02 giờ | - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (*Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP*) | |
| Bước 9 | Phòng Quản lý đầu tư tiếp nhận kết quả, lấy mã số dự án, lấy dấu, vào sổ theo dõi, bàn giao kết quả cho bộ phận Một cửa và lưu trữ hồ sơ | Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư | 0,5 ngày | - Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.  -Văn bản ý kiến chỉ đạo.  - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (*Mẫu số 05 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP*).  - Sổ theo dõi hồ sơ *(Mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT-VPCP*). | |
| **4** | **Biểu mẫu** | | | | |
|  | 1. Biểu mẫu:  - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư theo Mẫu A.I.11.g ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT.  - Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh theo Mẫu A.I.12 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT.  - Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư theo Mẫu A.II.2 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT.  2. Biểu mẫu theo dõi, giải quyết thủ tục hành chính ban hành kèm theo Thông tư số 01 Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 21/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ (Mẫu 01-06):  - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01);  - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02);  - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03);  - Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Mẫu số 04);  - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 05);  - Sổ theo dõi hồ sơ (Mẫu số 06). | | | | |

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục**:

- Dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ và thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 Luật Đầu tư.

- Việc sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanhphải đáp ứng các điều kiện sau đây:

+ Điều kiện theo quy định của pháp luật đất đai về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất, người có tài sản gắn liền với đất; quyền và nghĩa vụ của người nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; điều kiện góp vốn và nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất;

+ Điều kiện theo quy định của pháp luật về nhà ở, pháp luật về kinh doanh bất động sản, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan (nếu có);

+ Điều kiện quy định tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Quyết định chấp thuận nhà đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, thỏa thuận giữa cơ quan có thẩm quyền và nhà đầu tư hoặc theo quy định khác của pháp luật có liên quan (nếu có);

+ Điều kiện góp vốn và nhận vốn góp bằng tài sản của doanh nghiệp nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan đối với doanh nghiệp nhà nước;

+ Điều kiện góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định tại khoản 2 Điều 24 của Luật Đầu tư và các Điều 15, 16 và 17 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP đối với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 23 của Luật Đầu tư và tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài;

+ Thực hiện các nghĩa vụ về tài chính với Nhà nước (nếu có) theo quy định của pháp luật.

+ Điều kiện hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).

**Mẫu A.I.11.g**

**Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư**

*(Trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh)   
(Điều 53 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

*(Trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh)*

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư/Cơ quan đăng ký đầu tư

Nhà đầu tư …. *(tên nhà đầu tư)* đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh với các nội dung như sau:

**I. TÊN NHÀ ĐẦU TƯ**

**1. Nhà đầu tư sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh**

**a. Đối với nhà đầu tư là cá nhân:**

Họ tên: ………………… Giới tính:

Ngày sinh: ……... …………. Quốc tịch:

*(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân)*[[1]](#footnote-1) số:.......; ngày cấp.......; Nơi cấp:

Mã số thuế (tại Việt Nam - *nếu có*):

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: ……………. Fax: ………………. Email:

**b. Đối với nhà đầu tư là tổ chức:**

Tên doanh nghiệp/tổ chức: ....

*(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức)*[[2]](#footnote-2) số: ....; ngày cấp: .........; Cơ quan cấp:.

Mã số thuế (tại Việt Nam - *nếu có*):

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: …………… Fax: ……………… Email: ……… Website *(nếu có):*

***Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức, gồm:***

Họ tên: ……………………………. Giới tính: ......................................................

Chức danh: ………………… Ngày sinh: ……... …. Quốc tịch: .......

*(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân)* số:.......; ngày cấp.......; Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: ……………. Fax: ………………. Email:

**2. Nhà đầu tư nhận hợp tác kinh doanh**:thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư tại mục 1

**II. NỘI DUNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT ĐƯỢC SỬ DỤNG ĐỂ HỢP TÁC KINH DOANH**

1.Các Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư *(nếu có)*, Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) nhà đầu tư *(nếu có)*, Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư *(nếu có)*, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp**:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên giấy** | **Số giấy/Mã số dự án** | **Ngày cấp** | **Cơ quan cấp** | **Ghi chú**  *(Còn hoặc hết hiệu lực)* |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

2.Nội dung dự án đã quy định tại các Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư *(nếu có)*, Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) nhà đầu tư *(nếu có)*, Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư *(nếu có)*, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh:

- Tên dự án:

- Mục tiêu:

- Tổng vốn đầu tư

- Quy mô dự án:

- Địa điểm:

- Tiến độ:

- Thời hạn dự án:

- Tóm tắt tình hình triển khai dự án:

3.Giải trình việc đáp ứng các điều kiện sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh quy định tại khoản 2 Điều 52 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

**III. THÔNG TIN VỀ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT THUỘC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

1. Tài liệu về tư cách pháp lý:…(Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất/Hợp đồng thuê đất…)

2. Mã số:….. do….. (tên cơ quan cấp) ngày….tháng…năm….

3. Diện tích sử dụng đất:

4. Mục đích sử dụng đất:

5. Căn cứ xác lập quyền sử dụng đất:….. (được Nhà nước giao; thuê đất của Nhà nước trả tiền một lần/hàng năm; nhận chuyển nhượng;...).

6. Thông tin về tài sản trên đất:

7. Các thông tin khác *(nếu có)*:

**IV. NỘI DUNG HỢP TÁC KINH DOANH**

1. Tên, địa chỉ, người đại diện có thẩm quyền của các bên tham gia hợp đồng:

2. Địa điểm thực hiện dự án đầu tư:

3. Mục tiêu và phạm vi hoạt động đầu tư kinh doanh:

4. Đóng góp của các bên tham gia hợp đồng và phân chia kết quả đầu tư kinh doanh giữa các bên:

5. Tiến độ và thời hạn thực hiện hợp đồng:

**V. CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH KHÁC** *(nếu có)*:

Nhà đầu tư kê khai theo mẫu hướng dẫn tại A.I.11.h Phụ lục này

**VI. CÁC NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Chấp hành các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư *(nếu có)*, Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) nhà đầu tư *(nếu có)*, Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư *(nếu có)*, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh.

**VII. HỒ SƠ KÈM THEO**

1. Các văn bản kèm theo khoản 3 Điều 53 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

2. Các tài liệu khác có liên quan.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhà đầu tư nhận hợp tác kinh doanh**  Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu *(nếu có).* | ... ……., ngày ….. tháng ….. năm …  **Nhà đầu tư sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư**  Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu *(nếu có).* |

**Mẫu A.I.12**

**Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh**

*(Khoản 1 Điều 44, Khoản 2 Điều 47 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

*(kèm theo văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ngày… tháng… năm...)*

Kính gửi: ………..*(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)*

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án *(nêu tên của tổ chức)* báo cáo về tình hình hoạt động của dự án *(tên dự án, mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp)* đến ngày.... tháng.... năm .... với các nội dung cụ thể dưới đây:

**1. Tiến độ thực hiện dự án**: *(ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01 (hoặc quý I)/2021):*

a) Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn:

Tổng vốn đầu tư đã thực hiện *(ghi số vốn đã thực hiện và tỷ lệ so với tổng vốn đầu tư đăng ký)*: ........., trong đó:

- Vốn góp *(ghi rõ số vốn góp đã góp của từng nhà đầu tư và thời điểm hoàn tất việc góp vốn)*:

- Vốn huy động *(ghi số giá trị đã huy động và nguồn vốn)* trong đó:

+Vốn vay từ các tổ chức tín dụng :

+Vốn huy động từ cổ đông, thành viên, từ các chủ thể khác :

+ Vốn huy động từ nguồn khác (ghi rõ nguồn) :

- Lợi nhuận để lại của nhà đầu tư để tái đầu tư *(nếu có)*:

b) Tiến độ thực các mục tiêu hoạt động chủ yếu của dự án đầu tư;

c) Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành *(nếu có);*

d) Sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần *(nếu có);*

*(Trường hợp dự án đầu tư chia thành nhiều giai đoạn thì phải ghi rõ tiến độ thực hiện từng giai đoạn).*

**2. Tiến độ thực hiện các nội dung khác được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư** *(nếu có)*:

- Việc đăng ký tài khoản báo cáo tình hình thực hiện dự án trên trang web của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Việc thực hiện các quy định về cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động…

**3. Sơ lược tình hình hoạt động của dự án tính từ thời điểm thực hiện báo cáo gần nhất trên trang điện tử www.dautunuocngoai.gov.vn hoặc gần nhất báo cáo tại lần điều chỉnh dự án đầu tư gần nhất:**

- Doanh thu:

- Giá trị xuất, nhập khẩu:

- Lợi nhuận:

- Ưu đãi đầu tư được hưởng:

- Số lao động sử dụng: Tổng số lao động, người Việt Nam, người nước ngoài *(nếu có);* mức thu nhập bình quân của người lao động

- Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính:

- Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất đã nộp:

- Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất còn nợ *(nếu có)*:

- Các nghĩa vụ tài chính với các bên liên quan khác *(nếu có)*: lương đối với người lao động, các khoản phải trả cho bên thứ ba

- Tình hình chấp hành các quy định pháp luật về môi trường, xây dựng…và các quy định pháp luật khác

|  |  |
| --- | --- |
|  | ... ……., ngày ….. tháng ….. năm ……  **Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế thực hiện dự án**  Từng nhà đầu tư/Người đại diện theo pháp luật của Tổ chức kinh tế ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu *(nếu có).* |

**Mẫu A.II.2**

**Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư**

*(Điểm d khoản 2 Điều 44, điểm d khoản 2 Điều 45, khoản 3 Điều 46   
Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)*

|  |  |
| --- | --- |
| **CƠ QUAN CHẤP THUẬNCHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ**[[3]](#footnote-3) | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /QĐ-… |  |

**QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ**[[4]](#footnote-4)

(cấp lần đầu: ngày….. tháng…. năm….)

(điều chỉnh lần thứ…: ngày…. tháng…. năm…..)

**CƠ QUAN CHẤP THUẬN CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ**

*Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;*

*Căn cứ Thông tư số…/2021/TT-BKHĐT ngày…. của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;*

*Căn cứ…. quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của... ;*

*Căn cứ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số…. do…….chấp thuận ngày…..;*

*Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do .....nộp ngày ..... và hồ sơ bổ sung nộp ngày .... (nếu có),*

*Xét báo cáo thẩm định số …… ngày……… của .........*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Chấp thuận điều chỉnhchủ trương đầu tưcủa *.*…. (tên dự án) đã được chấp thuận tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư *(nếu có)* số……. do ............ (*tên cơ quan chấp thuận chủ trương đầu tư*) chấp thuận ngày……với những nội dung điều chỉnh như sau:

1. Nội dung điều chỉnh thứ nhất:

Nội dung ….. quy định tại Điều ….. Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư *(nếu có)* số……. ngày ….. được điều chỉnh như sau:

*“Điều .........:*

*............................................”.*

2. Nội dung điều chỉnh thứ hai:

Nội dung ….. quy định tại Điều ….. Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư *(nếu có)* số……. ngày ….. được điều chỉnh như sau:

*“Điều .........:*

*............................................”.*

**Điều 3**. **Tổ chức thực hiện**

Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc triển khai thực hiện dự án đầu tư:

1

2

**Điều 4. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ......và là một bộ phận không tách rời của Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số ....................do .......*(tên cơ quan cấp)* cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm... và các Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số ......, điều chỉnh lần thứ....... ngày .... *(nếu có)*.

2. …..(Tên cơ quan, tổ chức kinh tế, cá nhân) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Quyết địnhnày được gửi cho…………. *(tên cơ quan, tổ chức kinh tế, cá nhân nộp hồ sơ)* và một bản được lưu tại ……………. *(tên cơ quan chấp thuận chủ trương đầu tư)*.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như Điều 4;  - Các cơ quan tham gia thẩm định;  - Cơ quan đăng ký đầu tư;  - UBND địa phương nơi thực hiện dự án;  - Lưu: VT,….. | **THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CHẤP THUẬN CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ**  *(ký, ghi rõ họ tên, chức danh*  *và đóng dấu)* |

1. Là một trong các loại giấy tờ sau: Định danh cá nhân, thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác. [↑](#footnote-ref-1)
2. Là một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác. [↑](#footnote-ref-2)
3. Áp dụng đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh, Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế [↑](#footnote-ref-3)
4. Áp dụng cả trường hợp điều chỉnh, gia hạn thời hạn hoạt động dự án đầu tư quy định tại khoản 1 và điểm đ khoản 2 Điều 55 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP [↑](#footnote-ref-4)